

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiểu

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường C, phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường C, phường PBC, quận HB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2016 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị (Nguyễn Thị A) và anh Phạm Văn Đ kết hôn từ năm 2012, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng ngay từ đầu đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính do phía anh Đ mắc nhiều

tệ nạn, không tu chí làm ăn, không quan tâm gia đình vợ con. Chị A luôn sống trong bạo lực gia đình và thường xuyên bị hành hung. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần động viên hòa giải và bản thân chị A cũng đã cố chịu đựng để mong anh Đ thay đổi nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị A và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Diệu A, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2017, bị đơn là anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh (Phạm Văn Đ) và chị A kết hôn từ năm 2012, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống bình thường, hòa thuận, nhưng hai năm trở lại đây, giữa hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh không tu chí làm ăn, tụ tập chơi bời, thiếu quan tâm tới gia đình, vợ con. Bản thân chị A thì không khéo léo và luôn cáu gắt với anh nên nhiều khi anh không giữ được bình tĩnh mới xảy ra va chạm. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần động viên, hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện. Tuy nhiên, anh Đ vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn, tạo điều kiện cho anh sửa chữa sai lầm để vợ chồng được đoàn tụ, hạnh phúc cùng nhau nuôi dưỡng con chung trưởng thành.

Về con chung: Anh Đ xác nhận hai bên có 01 con chung là Nguyễn Diệu A, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do hai bên tự thỏa thuận và thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung giữa hai bên không có gì đáng kể nên anh Đ đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ

cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn và có lý do chính đáng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A về việc đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Diệu A, sinh năm 2013 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến phiên tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Phạm Văn Đ vắng mặt không có lý do. Anh Đ không có yêu cầu phản tố và đã có bản tự khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Bởi vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A kết hôn với anh Phạm Văn Đ vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh Đ là hợp pháp.

[3] Về căn cứ cho ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng ngay thời gian đầu đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc. Từ tháng 06 năm 2016 chị A phải bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai.

Bản thân anh Đ cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ hai năm trở lại đây. Tuy nhiên, anh Đ vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn, tạo điều kiện cho anh tự sửa chữa sai lầm để vợ chồng được đoàn tụ, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị A yêu cầu được ly hôn với

anh Đ là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Diệu A, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Ly hôn, chị A và anh Đ đều cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đó là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với đạo lý và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét hoàn cảnh thực tế thì chị A có nhiều điều kiện thuận lợi hơn anh Đ trong việc nuôi dạy con chung. Chị A có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác, con chung là cháu Nguyễn Diệu A mới 04 tuổi, bản thân là đứa trẻ chậm phát triển trí tuệ, thường xuyên phải đi bệnh viện và phẫu thuật nhưng đến nay vẫn không thể nói được. Cháu còn phải tiếp tục điều trị nên rất cần có tình thương và sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho con chung có đời sống tinh thần, tình cảm, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho cháu một cách tốt nhất. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, giao con chung cho mẹ cháu là chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

[5] Về tài sản chung: Chị A đề nghị để các bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đ không có yêu cầu gì về phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên sẽ tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009579, ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phạm Văn Đ.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Diệu A, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh Đ nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009579, ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường Phan Bội Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng